

Số: 89/2026/QĐST-HNGĐ

Hải Phòng, ngày 28 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HẢI PHÒNG**

Căn cứ vào các điều 212, điều 213 và điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 119/2026/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải việc dân sự:

Chị **Trần Thị Phương T**, sinh năm 1980; nơi cư trú: **F Đ, phường H, thành phố Hải Phòng**; số CCCD: 031180011833 cấp ngày 31/8/2021.

Anh **Vũ Đức T1**, sinh năm 1980; nơi cư trú: **F Đ, phường H, thành phố Hải Phòng**; số CCCD: 034080002913 cấp ngày 09/5/2021.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trần Thị Phương T** và anh **Vũ Đức T1** thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của chị **Trần Thị Phương T** và anh **Vũ Đức T1** được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20/4/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Trần Thị Phương T** và anh **Vũ Đức T1**.

[2] Về con chung: Chị **Trần Thị Phương T** và anh **Vũ Đức T1** thống nhất có 02 con chung là **Vũ Đức Hải N**, sinh ngày 21/6/2011 và **Vũ Khánh T2**, sinh ngày 10/10/2013. Ly hôn, anh chị thỏa thuận: Giao cháu **Vũ Đức Hải N** và cháu **Vũ Khánh T2** cho chị **Trần Thị Phương T** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị **T** và anh **T1** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị **Trần Thị Phương T** và anh **Vũ Đức T1** thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị **Trần Thị Phương T** và anh **Vũ Đức T1** cùng nộp lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trần Thị Phương T** và anh **Vũ Đức T1** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị **Trần Thị Phương T** và anh **Vũ Đức T1** thống nhất có 02 con chung là **Vũ Đức Hải N**, sinh ngày 21/6/2011 và **Vũ Khánh T2**, sinh ngày 10/10/2013. Ly hôn, anh chị thoả thuận: Giao cháu **Vũ Đức Hải N** và cháu **Vũ Khánh T2** cho chị **Trần Thị Phương T** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị **Trần Thị Phương T** và anh **Vũ Đức T1** tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị **Trần Thị Phương T** và anh **Vũ Đức T1** thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Chị **Trần Thị Phương T** và anh **Vũ Đức T1** phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị **T** và anh **T1** đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004514 ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị **T** và anh **T1** đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Về quyền yêu cầu thi hành: Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### Nơi nhận:

- TAND TP. **Hải Phòng**;
- VKSND khu vực 4 – Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- UBND phường Đằng Hải (nay là phường Hải An), TP. Hải Phòng (GCNKH số 37 ngày 04/4/2011);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thái Thuận**

